pí zàng

脾脏

noun · spleen

Example Sentences

pí zàng shì rén tǐ zhòng yào de qì guān
脾 脏 是 人 体 重 要 的 器 官 。

The spleen is an important organ in the human body.

yī shēng jiǎn chá le tā de pí zàng
医 生 检 查 了 他 的 脾 脏 。

The doctor examined his spleen.

chē huò dǎo zhì tā de pí zàng shòu sǔn
车 祸 导 致 他 的 脾 脏 受 损 。

The car accident caused damage to his spleen.

Trace each character, then write the word on your own.

脾 脾 脾 脾 脾 脾 脾 脾 脾 脾 脾
脾 脾 脾 脾

脏 脏 脏 脏 脏 脏 脏 脏 脏 脏 脏
脏 脏